

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
VIỆT TÍN**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
**AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)**

A member of  international. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers  
Thành viên HKB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-24

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 02 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 361/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2010, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Trần Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc
-----------------	-------------------

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Trần Thị Mai**  
Phó Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012*



Số: 401/2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2011 là 14.566.500.000 đồng. Do không có đủ cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2011, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này. Bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi không thu thập được bằng chứng về giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2011 của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tin tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

**Vũ Xuân Biền**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>120.552.597.983</b>	<b>185.480.821.827</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.635.449.081	13.483.220.107
111	1. Tiền		8.635.449.081	3.483.220.107
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.650.046.904	14.570.826.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.650.046.904	14.570.826.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.688.727.482	151.911.518.636
131	1. Phải thu của khách hàng		550.046.947	505.259.553
132	2. Trả trước cho người bán		-	63.173.573
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	5.648.000.000	63.928.086.588
138	5. Các khoản phải thu khác	7	58.490.680.535	87.414.998.922
140	IV. Hàng tồn kho		92.323	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.578.282.193	5.515.257.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		727.074.872	462.835.716
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	25.867.953	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	31.825.339.368	5.052.421.368
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.201.940.417</b>	<b>33.968.656.880</b>
220	II. Tài sản cố định		1.882.446.593	2.351.217.019
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.059.008.725	1.534.570.658
222	- Nguyên giá		4.633.674.048	4.509.197.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.574.665.323)	(2.974.626.596)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	823.437.868	816.646.361
228	- Nguyên giá		1.831.239.400	1.395.359.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.007.801.532)	(578.713.039)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	540.000.000	540.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		540.000.000	540.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.779.493.824	31.077.439.861
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.040.019.001	30.649.029.946
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	14	649.777.383	338.712.475
268	4. Tài sản dài hạn khác		89.697.440	89.697.440
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>153.754.538.400</b>	<b>219.449.478.707</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.905.908.934</b>	<b>79.790.451.257</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>13.905.908.934</b>	<b>79.790.451.257</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	6.115.836.809	34.850.160.000
312	2. Phải trả người bán		1.144.349.994	875.729.075
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	49.960.675	695.848.437
315	5. Phải trả người lao động		-	344.760.000
316	6. Chi phí phải trả	17	113.999.057	722.898.020
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	6.481.762.399	42.282.722.507
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	18.333.218
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>139.848.629.466</b>	<b>139.659.027.450</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>139.848.629.466</b>	<b>139.659.027.450</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	138.000.000.000	138.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.848.629.466	1.659.027.450
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>153.754.538.400</b>	<b>219.449.478.707</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		61.339.520.000	79.091.930.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		57.327.050.000	72.049.620.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		131.410.000	1.050.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		57.195.240.000	72.025.320.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		400.000	23.250.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.210.000.000	10.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.210.000.000	10.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.755.000.000	5.115.400.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.755.000.000	5.115.400.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		47.470.000	1.916.910.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		47.470.000	1.916.910.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		3.092.610.000	3.128.640.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		3.092.610.000	3.128.640.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		50.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.092.560.000	3.128.640.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		7.010.000.000	6.275.000.000

*Handwritten signature*



Hoàng Tố Quỳnh  
Kế toán trưởng

Trần Thị Mai  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	13.340.410.713	22.727.114.082
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.836.129.838	7.683.568.828
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		753.737.565	271.009.825
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	4.800.000.000
01.9	Doanh thu khác		9.750.543.310	9.972.535.429
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		13.340.410.713	22.727.114.082
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	9.895.861.011	16.852.132.341
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.444.549.702	5.874.981.741
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	3.790.214.471	5.652.963.136
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(345.664.769)	222.018.605
31	8. Thu nhập khác		642.232.848	290.657.005
32	9. Chi phí khác		32.824.043	5.360.796
40	10. Lợi nhuận khác		609.408.805	285.296.209
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		263.744.036	507.314.814
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	74.142.020	104.965.704
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>189.602.016</u>	<u>402.349.110</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	14	48


Hoàng Tố Quỳnh  
Kế toán trưởngTrần Thị Mai  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2011


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		263.744.036	507.314.814
02	Khấu hao tài sản cố định		1.029.127.220	1.161.719.051
03	Các khoản dự phòng		-	(2.336.191.000)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.504.280.875)	(997.140.206)
06	Chi phí lãi vay		4.649.438.504	45.898.615
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(4.561.971.115)	(1.618.398.726)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		60.424.005.201	(117.258.622.607)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(79.313.227)	703.418.239
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(36.646.277.326)	19.877.602.810
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		344.771.789	(316.882.309)
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.069.970.757)	(45.898.615)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(157.551.573)	(131.465.020)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(311.064.908)	(30.683.031.940)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>13.942.628.084</b>	<b>(129.470.278.168)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(560.356.794)	(222.981.976)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(540.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	16.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.504.280.875	997.140.206
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>9.943.924.081</b>	<b>16.734.158.230</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	66.571.400.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		22.378.129.400	48.589.190.501
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(51.112.452.591)	(13.739.030.501)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(28.734.323.191)</b>	<b>101.421.560.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4.847.771.026)</b>	<b>(11.314.559.938)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		13.483.220.107	24.797.780.045
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>8.635.449.081</u>	<u>13.483.220.107</u>

  
Hoàng Tố Quỳnh  
Kế toán trưởng



Trần Thị Mai  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Năm 2011

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	71.428.600.000	138.000.000.000	66.571.400.000	-	-	-	138.000.000.000	138.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.256.678.340	1.659.027.450	402.349.110	189.602.016	-	-	1.659.027.450	1.848.629.466
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>72.685.278.340</b>	<b>139.659.027.450</b>	<b>66.973.749.110</b>	<b>189.602.016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>139.659.027.450</b>	<b>139.848.629.466</b>



*[Handwritten signature]*

Hoàng Tố Quỳnh  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Mai  
 Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 02 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 361/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2010, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng). Tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

### Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Các khoản thuế**

##### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
<b>Của người đầu tư</b>	<b>154.458.691</b>	<b>3.550.638.147.000</b>
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	154.458.691	3.550.638.147.000
	<u>154.458.691</u>	<u>3.550.638.147.000</u>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>8.635.449.081</b>	<b>3.483.220.107</b>
- Tiền mặt tại quỹ	8.204.968.586	132.356.331
- Tiền gửi ngân hàng	430.480.495	3.350.863.776
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	-	<b>10.000.000.000</b>
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	-	10.000.000.000
	<u>8.635.449.081</u>	<u>13.483.220.107</u>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>14.650.046.904</b>	<b>14.570.826.000</b>
- Chứng khoán niêm yết	83.546.904	4.326.000
- Chứng khoán chưa niêm yết	14.566.500.000	14.566.500.000
	<u>14.650.046.904</u>	<u>14.570.826.000</u>

**Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND
- Cổ phiếu Mai Linh Group	49.000	73.500	416.500.000	416.500.000
- Cổ phiếu Cty CP Du lịch Huế	627.500	627.500	14.150.000.000	14.150.000.000
- Cổ phiếu lẻ			83.546.904	4.326.000
			<u>14.650.046.904</u>	<u>14.570.826.000</u>

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, do không có đủ cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2011, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu nhà đầu tư tiền ứng trước tiền bán chứng khoán	5.648.000.000	1.228.471.886
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	61.374.029.600
Phí giao dịch phải thu nhà đầu tư	-	51.018.125
Phải thu lãi hợp tác kinh doanh	-	1.274.566.977
	<b>5.648.000.000</b>	<b>63.928.086.588</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	42.168.500	-
Đặt cọc mua văn phòng	22.638.385.174	22.638.385.174
Phải thu theo hợp đồng môi giới đầu tư cổ phiếu	-	64.740.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sông Hồng	15.807.002.748	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường nước Việt <sup>(1)</sup>	20.000.000.000	-
Phải thu khác	3.124.113	36.613.748
	<b>58.490.680.535</b>	<b>87.414.998.922</b>

(1) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 15 tháng 01 năm 2011 về việc hợp tác kinh doanh trong việc cung cấp lắp đặt mới hệ thống ống nước và cung cấp lắp đặt tư vấn hệ thống thoát nước. Công ty góp vốn 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường nước Việt góp vốn bằng quyền kinh doanh, công nghệ và nhân lực. Lợi nhuận chỉ được chia trong trường hợp kinh doanh có lãi, Công ty được hưởng 60% lợi nhuận.

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	25.867.953	-
	<b>25.867.953</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng mua sắm tài sản	-	5.000.000.000
Tạm ứng mua cổ phiếu VinaPower	10.344.000.000	-
Tạm ứng mua phần mềm quản lý chứng khoán	8.600.000.000	-
Tạm ứng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sông Hồng	12.500.000.000	-
Tạm ứng khác	381.339.368	52.421.368
	<b>31.825.339.368</b>	<b>5.052.421.368</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	259.674.360	1.505.810.000	2.743.712.894	4.509.197.254
Số tăng trong kỳ	-	-	124.476.794	124.476.794
- Mua sắm mới	-	-	124.476.794	124.476.794
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	259.674.360	1.505.810.000	2.868.189.688	4.633.674.048
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	140.656.949	658.791.882	2.175.177.765	2.974.626.596
Số tăng trong kỳ	81.052.312	203.911.773	315.074.642	600.038.727
- Trích khấu hao	81.052.312	203.911.773	315.074.642	600.038.727
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	221.709.261	862.703.655	2.490.252.407	3.574.665.323
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Đầu kỳ	119.017.411	847.018.118	568.535.129	1.534.570.658
Cuối kỳ	37.965.099	643.106.345	377.937.281	1.059.008.725

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	1.395.359.400
Số tăng trong năm	435.880.000
- Mua sắm mới	435.880.000
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.831.239.400
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	578.713.039
Số tăng trong năm	429.088.493
- Trích khấu hao	429.088.493
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.007.801.532
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	816.646.361
Số dư cuối năm	823.437.868

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị**

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2011	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
138.000.000.000	Nguyên giá	6.464.913.448	0,05
	Khấu hao	(4.582.466.855)	
	Giá trị còn lại	1.882.446.593	0,01

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>540.000.000</b>	<b>540.000.000</b>
	<u>540.000.000</u>	<u>540.000.000</u>

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh BĐS Nam Hà Nội	540.000.000	540.000.000
	<u>540.000.000</u>	<u>540.000.000</u>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trả trước tiền thuê văn phòng <sup>(1)</sup>	29.885.640.000	30.616.760.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	154.379.001	32.269.946
	<u>30.040.019.001</u>	<u>30.649.029.946</u>

(1) Theo hợp đồng thuê giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010 với thời hạn thuê là 15 năm, Công ty phải thanh toán đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đặt cọc thuê nhà.

**14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	191.800.535
Tiền nộp bổ sung	290.831.344	124.738.964
Tiền lãi phân bổ trong năm	20.233.564	22.172.976
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>649.777.383</b>	<b>338.712.475</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.115.836.809</b>	<b>34.850.160.000</b>
- Vay ngân hàng	-	613.500.000
- Vay đối tượng khác	6.115.836.809	34.236.660.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.115.836.809</u></b>	<b><u>34.850.160.000</u></b>
<b>Chi tiết các khoản vay:</b>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	613.500.000
Vay cá nhân <sup>(1)</sup>	6.115.836.809	34.236.660.000
	<b><u>6.115.836.809</u></b>	<b><u>34.850.160.000</u></b>

(1) Là các khoản vay cá nhân với lãi suất 13,5%/năm.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	398.570.700
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.556.151	104.965.704
Thuế Thu nhập cá nhân (của nhà đầu tư)	28.404.524	192.312.033
	<b><u>49.960.675</u></b>	<b><u>695.848.437</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí tiền điện	113.999.057	37.000.000
Chi phí giao dịch phải trả các sản	-	102.921.000
Chi phí lãi vay	-	420.532.253
Chi phí thuê kênh	-	37.000.000
Chi phí phải trả khác	-	125.444.767
	<b><u>113.999.057</u></b>	<b><u>722.898.020</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16.354.200	2.235.000
Bảo hiểm xã hội	-	25.947.974
Bảo hiểm y tế	36.796.950	5.028.750
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	6.427.273.012	30.917.350.783
Phải trả Công ty TNHH Đất Việt Nam tiền mua cổ phiếu OTC	-	11.025.000.000
Nhận tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của KHMG	-	307.160.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.338.237	-
	<u>6.481.762.399</u>	<u>42.282.722.507</u>

**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Công ty TNHH Đất Việt Nam	48,70%	67.206.000.000	48,70%	67.206.000.000
Vốn góp của bà Hoàng Ngân Hà	48,31%	66.662.000.000	48,31%	66.662.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	2,99%	4.132.000.000	2,99%	4.132.000.000
	<u>100%</u>	<u>138.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>138.000.000.000</u>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>138.000.000.000</i>	<i>71.428.600.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>-</i>	<i>66.571.400.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>138.000.000.000</i>	<i>138.000.000.000</i>

**c) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.800.000</i>	<i>13.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.800.000</i>	<i>13.800.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>13.340.410.713</b>	<b>22.727.114.082</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.836.129.838	7.683.568.828
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	753.737.565	271.009.825
- Doanh thu hoạt động tư vấn	-	4.800.000.000
- Doanh thu khác	9.750.543.310	9.972.535.429
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>13.340.410.713</b>	<b>22.727.114.082</b>

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.617.940.619	4.762.234.621
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	2.680.158.789
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	12.881.733	383.293.897
Chi phí hoạt động tư vấn	-	119.649.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	136.264.198	111.106.484
Chi phí dự phòng	-	(1.974.091.000)
Chi phí khác	128.774.461	7.709.158.757
Chi phí trực tiếp chung	-	3.060.621.794
	<b>9.895.861.011</b>	<b>16.852.132.341</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.491.433.923	3.128.732.230
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	231.895.480	211.374.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.059.934	464.174.836
Chi phí dự phòng	-	(362.100.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.651.697	1.885.880.025
Chi phí khác bằng tiền	430.173.437	324.901.422
	<b>3.790.214.471</b>	<b>5.652.963.136</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	263.744.036	507.314.814
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	32.824.043	(87.452.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	32.824.043	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	-	(87.452.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	296.568.079	419.862.814
Thu nhập tính thuế	296.568.079	419.862.814
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	74.142.020	104.965.704
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>74.142.020</b>	<b>104.965.704</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	104.965.704	131.465.020
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm'	(157.551.573)	(131.465.020)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>21.556.151</b>	<b>104.965.704</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	189.602.016	402.349.110
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	189.602.016	402.349.110
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.800.000	8.423.079
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14</b>	<b>48</b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**

Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư, góp vốn	Các hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	2.836.129.838	753.737.565	10.392.776.158	13.982.643.561
Chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ	9.617.940.619	-	4.100.958.906	13.718.899.525
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(6.781.810.781)</b>	<b>753.737.565</b>	<b>6.291.817.252</b>	<b>263.744.036</b>
Tài sản bộ phận	7.042.591.104	15.190.046.904	-	22.232.638.008
Tài sản không phân bổ	-	-	-	131.521.900.392
<b>Tổng tài sản</b>				<b>153.754.538.400</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	6.115.836.809	-	-	6.115.836.809
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.790.072.125
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>13.905.908.934</b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN**Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Đặt cọc mua văn phòng</b>			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	22.638.385.174	22.638.385.174
<b>Trả trước tiền thuê văn phòng</b>			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	29.885.640.000	30.616.760.000

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chi phí trả trước dài hạn	261	30.649.029.946	32.269.946
Tài sản dài hạn khác	268	89.697.440	30.706.457.440

Hoàng Tố Quỳnh  
Kế toán trưởngTrần Thị Mai  
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

